

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số **205/2010**, quyển số 01/2010 ngày 14 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã M, huyện T (nay là phường M, quận Nam ), thành phố H.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **43/2025/TLST - HNGĐ** ngày 07/02/2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

**Người yêu cầu:**

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1987;

NKTT và nơi cư trú: Số 15E ngách 132/66 đường C, TDP N, quận B, TP. H.

- Anh Lê Vĩnh H, sinh năm 1986;

NKTT: TDP 9 Đ, phường M, quận N, TP. H.

Nơi cư trú: Số 15E ngách 132/66 đường C, TDP N, quận B, TP. H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tình cảm:** Anh Lê Vĩnh H và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số **205/2010**, quyển số 01/2010 ngày 14 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã M, huyện T (nay là phường M, quận N), thành phố H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình trạng căng thẳng thường xuyên kéo dài, không thể giải quyết. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được như trước mặc dù bản thân hai vợ chồng cũng như gia đình, bạn bè hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án

nhân dân quận B, thành phố H công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

**[2] Về con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân, anh Lê Vĩnh H và chị Trần Thị H có 02 người con chung là: cháu Lê Trần Bảo H, sinh ngày 04/10/2011 (Nữ) và cháu Lê Vĩnh K, sinh ngày 27/6/2019 (Nam). Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận và thống nhất giao cả hai cháu Lê Trần Bảo H và cháu Lê Vĩnh K cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn, anh Lê Vĩnh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung là: 2.000.000 VNĐ/01 tháng/02 cháu (Bằng chữ: Hai triệu đồng/Một tháng/Hai cháu) từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh Lê Vĩnh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Xét yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

**[3] Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung:** Không yêu cầu Toà án giải quyết.

**[4] Về lệ phí:** Anh Lê Vĩnh H và chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn và lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Vĩnh H và chị Trần Thị H.

- *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, Anh Lê Vĩnh H và chị Trần Thị H có 02 người con chung là: cháu Lê Trần Bảo H, sinh ngày 04/10/2011 (Nữ) và cháu Lê Vĩnh K, sinh ngày 27/6/2019 (Nam).

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Giao cả hai cháu Lê Trần Bảo H và cháu Lê Vĩnh K cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh chị thỏa thuận anh Lê Vĩnh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung là: 2.000.000 VNĐ/01 tháng/02 cháu (Bằng chữ: Hai triệu đồng/Một tháng/Hai cháu) từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về quyền đi lại, chăm sóc con chung: Anh Lê Vĩnh H có quyền, nghĩa vụ

thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2/ Về lệ phí**: Anh Lê Vĩnh H và chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số: 0075578 ngày 07/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố H;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Quang H**